

BÁO CÁO

Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia 02 tháng đầu năm 2025; các tồn tại, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ thúc đẩy phát triển trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Công điện số 14/CĐ-TTg ngày 11/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức đoàn công tác của các Thành viên Chính phủ làm việc với các địa phương để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng năm 2025;

Thực hiện đề nghị của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 1736/VPCP-QHĐP ngày 04/3/2025 về việc chuẩn bị cho buổi làm việc của Phó Thủ tướng Chính phủ Mai Văn Chính với các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia 02 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. VỀ VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ PHẤN ĐÀU TĂNG TRƯỞNG 10% TRỞ LÊN

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2024 ước đạt 7,16%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,67%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,73%; khu vực dịch vụ tăng 8,34%; thuế trừ trợ cấp tăng 2,51%. Về cơ cấu kinh tế năm 2024: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 35,60%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 15,80%; khu vực dịch vụ chiếm 45,29%; thuế sản phẩm trừ trợ giá sản phẩm chiếm 3,31%.

Năm 2024, thực hiện đạt và vượt 13/15 chỉ tiêu mà Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra, trong đó có 05 chỉ tiêu vượt, 08 chỉ tiêu đạt và 02 chỉ tiêu chưa đạt¹ (Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm).

Từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 về Đề án bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, tỉnh An Giang đã nghiêm túc nghiên cứu, học tập và chỉ đạo các ngành chuyên môn tham mưu xây dựng triển khai thực hiện Kết luận số 123-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Xác định năm 2025 là năm bứt phá của chặng đường kinh tế 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh An Giang đã triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở các cấp,

¹ Tốc độ tăng trưởng GRDP và GRDP bình quân đầu người.

các ngành. Cụ thể, tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như sau với nhiều chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu tăng trưởng GRDP năm 2025 từ 10% trở lên: (1) Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2025; (2) Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 16/01/2025 về Kịch bản tăng trưởng kinh tế tỉnh An Giang năm 2025; (3) Văn bản số 59/UBND-TH ngày 16/01/2025 về triển khai nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2025; (4) Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 25/02/2025 triển khai thực hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế phấn đấu 10% trở lên (*Chi tiết tại Phụ lục II, III đính kèm*).

- Về kịch bản tăng trưởng: UBND tỉnh đã xây dựng Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2025 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 140/CĐ-TTg, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,80%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 16,15%; khu vực dịch vụ tăng 12,15%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,02%, tỉnh xây dựng kịch bản tăng trưởng với mục tiêu cụ thể từng quý.

UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung tuyên truyền Kết luận số 123-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cùng với Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên, Công điện số 140/CĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2025 và các văn bản triển khai của tỉnh. Đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp của tỉnh đã được thông tin đầy đủ, tin tưởng, và quyết tâm thực hiện để đạt kết quả cao nhất phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2025.

Lãnh đạo UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Kết luận số 123-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cùng với Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 25/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 81/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025 với mức tăng trưởng GRDP từ 8,50% trở lên đối với các cấp, các ngành và địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Để đảm bảo sâu sát, kịp thời, bám sát thực tiễn, linh động trong công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập 04 Tổ Công tác chỉ đạo việc thực hiện tăng trưởng kinh tế của tỉnh An Giang². Bên cạnh đó, Thường trực UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra các công trình, dự án trọng điểm; tăng cường hoạt động đối thoại với doanh nghiệp, hợp tác xã; trực tiếp làm việc với doanh nghiệp, nhà máy để lắng nghe và

² Tổ Công tác số 01: Theo dõi lĩnh vực cải cách hành chính, đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Tổ Công tác số 2: Theo dõi lĩnh vực phát triển công nghiệp, xây dựng và đầu tư công. Tổ Công tác số 03: Theo dõi lĩnh vực phát triển dịch vụ và du lịch. Tổ Công tác số 04: Theo dõi lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường.

tháo gỡ kịp thời các khó khăn của doanh nghiệp, hợp tác xã trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động tổng hợp, rà soát các dự án gặp khó khăn, vướng mắc để xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền để tháo gỡ cho doanh nghiệp.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ CÔNG, XUẤT NHẬP KHẨU 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang 02 tháng đầu năm 2025 tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Các hoạt động thương mại, dịch vụ, nhu cầu đi lại, hoạt động văn hóa, xã hội nhộn nhịp, sôi động, cụ thể như sau:

1. Tình hình sản xuất kinh doanh một số ngành, lĩnh vực quan trọng

1.1. Lĩnh vực nông - lâm - thủy sản:

- Trồng trọt: Tính đến nay, toàn tỉnh đã thu hoạch lúa Đông Xuân được hơn 47.981/227.848 ha, ước năng suất bình quân 7,27 tấn/ha. Về hoa màu đã thực hiện gieo trồng được hơn 17,5 ngàn ha hoa màu các loại, đạt 102% kế hoạch, đồng thời cũng đã thu hoạch 9.113/17.523 ha, đạt 51,97% diện tích xuống giống, gồm: bắp trắng, bắp non, ớt, rau ăn lá các loại,... Nhìn chung, tiến độ thu hoạch lúa và hoa màu nhanh hơn cùng kỳ chủ yếu do thực hiện xuống giống theo lịch khuyến cáo chung của tỉnh và một phần do vụ Thu Đông 2024 kết thúc thu hoạch sớm.

- Chăn nuôi: Trong tháng, ước tính sản lượng thịt heo xuất chuồng là 2,2 ngàn tấn, tăng 150 tấn so cùng kỳ; trâu bò 858 tấn (+15 tấn) và gia cầm 1,6 ngàn tấn (+45 tấn), tuy nhiên sản phẩm thịt gia súc, gia cầm sản xuất trên địa bàn tỉnh vẫn không đủ cung cấp cho tiêu dùng trong tỉnh, trong tháng phải nhập khoảng 3,6 ngàn tấn thịt gia súc, gia cầm các loại. Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt, tạo được sự yên tâm cho người chăn nuôi nên quy mô đàn chăn nuôi tiếp tục ổn định và có xu hướng tăng. Riêng đàn heo giảm khoảng 50 ngàn con do người chăn nuôi xuất bán và chưa tái thả nuôi.

- Về chuẩn bị cây giống lâm nghiệp phân tán đến nay đã gieo 5.135 kg hạt giống, tăng 12 kg so tháng trước, đã giao 17 ngàn cây giống các loại, đang chăm sóc cây hiện có 214,6 ngàn cây.

- Thủy sản: Giá bán cá tra thương phẩm dao động ở mức khoảng 32.000-34.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg so tháng trước và tăng 5.000-6.000 đồng/kg so với cùng kỳ. Với mức giá bán này người nuôi đạt lợi nhuận từ 4.000-6.000 đồng/kg. Ước tổng sản lượng nuôi thủy sản trong 02 tháng đầu năm đạt khoảng 84,9 ngàn tấn, bằng 105,9%, tăng 4,7 ngàn tấn so cùng kỳ năm 2024. Trong đó, sản lượng cá tra thu hoạch khoảng 68,2 ngàn tấn, bằng 106,2%, tăng 4 ngàn tấn so cùng kỳ, sản lượng các loại khác đạt 16,7 ngàn tấn. Số lượng con giống cá tra sản xuất trong tháng ước khoảng 150 triệu con, tăng 05 triệu con so cùng kỳ.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp

Tình hình sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển mạnh.

Các doanh nghiệp, cơ sở hoạt động sản xuất đẩy mạnh sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu; một số sản phẩm chủ lực xuất khẩu của tỉnh như: Thủy sản đông lạnh, quần áo sản xuất ổn định và tăng trưởng so cùng kỳ, đặc biệt các doanh nghiệp ngành may mặc, giày da ký kết thêm nhiều đơn hàng mới, thường xuyên tuyển dụng thêm lao động, khuyến khích nhiều chính sách phúc lợi, tăng lương, tăng thu nhập,... góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 02/2025 tăng 18,89% so với tháng cùng kỳ năm 2024. Trong đó, ngành khai khoáng đạt 68,9% so với cùng kỳ năm 2024; ngành chế biến, chế tạo tăng 24,07% so với cùng kỳ năm 2024; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,79% so với cùng kỳ năm 2024; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,83% so với cùng kỳ năm 2024.

Tính chung, 02 tháng đầu năm 2025 chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 9,82% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,82%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 6,96%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,17%, và ngành khai khoáng bằng 58,68% so cùng kỳ.

Sản lượng điện năng lượng mặt trời sản xuất tăng khá nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và sản xuất của doanh nghiệp, cơ sở,... tháng 02/2025 ước đạt 61,5 triệu kwh, tăng 7,95% so với cùng kỳ. Tính chung, 02 tháng đầu năm 2025 ước đạt 122,1 triệu kwh, tăng 3,80% so với cùng kỳ.

1.3. Dịch vụ, du lịch và xuất nhập khẩu

Hoạt động thương mại dịch vụ tiếp tục tăng trưởng khởi sắc. Trước, trong và sau Tết, bán buôn bán lẻ luôn hoạt động nhộn nhịp sôi động đáp ứng nhu cầu tiêu dùng... Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 02 năm 2025 ước đạt 10.776 tỷ đồng, tăng 16,40 % so cùng kỳ năm 2024. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 7.642 tỷ đồng, tăng 16,86% so cùng kỳ; doanh thu dịch vụ đạt 3.134 tỷ đồng, tăng 15,28% so cùng kỳ năm 2024. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2025 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 21.817 tỷ đồng tăng 17,65% so với cùng kỳ. Trong đó, tổng mức bán lẻ đạt 15.756 tỷ đồng, tăng 17,13% so cùng kỳ; doanh thu dịch vụ đạt 6.061,9 tỷ đồng, tăng 19,02% so cùng kỳ năm 2024.

Ước tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 02/2025 đạt 158,3 triệu USD, tăng 1,35% so cùng kỳ; lũy kế 02 tháng đầu năm kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 310,8 triệu USD, tăng 2,57% so cùng kỳ. Trong đó:

- Xuất khẩu tháng 02/2025 đạt 104,7 triệu USD, tăng 7,35% so cùng kỳ; lũy kế 02 tháng đầu năm kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 205,4 triệu USD, tăng 4,62% so cùng kỳ năm 2024.

- Nhập khẩu tháng 02/2025 đạt 53,6 triệu USD, bằng 91,38% so cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm kim ngạch nhập khẩu đạt 105,4 triệu USD, bằng 98,8%

so cùng kỳ.

Trong tháng 02 năm 2025, An Giang đón 1,7 triệu lượt khách (giảm 19% so với cùng kỳ, do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán năm 2025 rơi vào tháng 02/2025). Trong đó, lượng khách thống kê tại các cơ sở lưu trú du lịch, lữ hành ước đạt 32.000 lượt (tăng 7% so với cùng kỳ), khách quốc tế lưu trú ước đạt 3.000 lượt (tương đương so với cùng kỳ). Doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 2.150 tỷ đồng (giảm 15% so với cùng kỳ). Lũy kế 02 tháng đầu năm 2025, An Giang đón 3,1 triệu lượt khách (tăng 24% so với cùng kỳ). Trong đó, lượng khách thống kê tại các cơ sở lưu trú du lịch, lữ hành ước đạt 62.000 lượt (tăng 3% so với cùng kỳ), khách quốc tế lưu trú ước đạt 5.500 lượt, (tương đương so với cùng kỳ). Doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 3.470 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ).

2. Đầu tư - xây dựng và phát triển doanh nghiệp

2.1. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Trong tháng 02/2025, có 97 doanh nghiệp đăng ký thành lập với tổng vốn là 459 tỷ đồng; số doanh nghiệp hoạt động trở lại 11 doanh nghiệp³. Lũy kế từ đầu năm đến nay có 178 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký là 837 tỷ đồng; 89 doanh nghiệp hoạt động trở lại⁴.

Về dự án Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Vàm Cống, với diện tích 193,31 ha, tổng vốn đầu tư: 2.457 tỷ đồng, chủ đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu năm 2024. Hiện UBND thành phố Long Xuyên đang thực hiện thủ tục phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng để tiến hành giải phóng mặt bằng, giao đất cho nhà đầu tư.

Lũy kế đến thời điểm hiện tại, các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh đã thu hút được 47 dự án (trong đó: 08 dự án 100% vốn nước ngoài⁵ và 01 dự án có nhà đầu tư người nước ngoài Hàn Quốc là thành viên) với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 7.500 tỷ đồng⁶, tổng diện tích đất cho thuê 148 ha⁷ (trên GCNĐKĐT); hiện nay có khoảng 19.000 lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh.

2.2. Công tác đầu tư xây dựng và giải ngân vốn đầu tư công

Để phát huy các kết quả đạt được và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, UBND tỉnh đã tập

³ So với cùng kỳ năm 2024, số doanh nghiệp đăng ký tăng 34,75%, số vốn đăng ký tăng 13,10%, số doanh nghiệp hoạt động trở lại giảm 8,33%; số doanh nghiệp tạm dừng hoạt động tăng 14,29% và số doanh nghiệp giải thể giảm 4,17%.

⁴ So với cùng kỳ, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 39,06% (tương đương 50 doanh nghiệp), vốn đăng ký tăng 34,90% (tương đương 216,8 tỷ), số doanh nghiệp hoạt động trở lại giảm 16,82% (tương đương 18 doanh nghiệp).

⁵ Hàn Quốc (3), Thái Lan (2), Singapore, Đan Mạch, Đài Loan.

⁶ Trong đó: KCN Bình Hòa 4.755,87 tỷ đồng; KCN Bình Long 1.439,05 tỷ đồng; KCN Xuân Tô 518,17 tỷ đồng; KVCK Tịnh Biên 215,72 tỷ đồng; KVCK Vĩnh Xương 23 tỷ đồng; KVCK Khánh Bình 466,64 tỷ đồng.

⁷ Trong đó: KCN Bình Hòa 91,78 ha (tỷ lệ lấp đầy 91,78%); KCN Bình Long 21,09 ha (lấp đầy 100%); KCN Xuân Tô 11,58 ha (lấp đầy 36,86%); KVCK Tịnh Biên 9,2 ha; KVCK Vĩnh Xương 01 ha; KVCK Khánh Bình 12,77 ha.

trung quyết liệt chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương, các chủ đầu tư triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm người đứng đầu, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng chủ đầu tư, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tiến độ giải ngân của từng dự án, vui xuân nhưng không quên nhiệm vụ. Kết quả thực hiện phải báo cáo định kỳ hàng tháng để theo dõi, chỉ đạo; tập trung dồn đốc tiến độ thi công các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm của quốc gia và của tỉnh.

Trong đó, chỉ đạo tổ chức các đoàn công tác đi kiểm tra các dự án trọng điểm và làm việc với các địa phương, các Ban quản lý dự án thuộc tỉnh, các chủ đầu tư; đồng thời, tổ chức các cuộc họp để chỉ đạo kịp thời giải quyết, xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, nguồn nguyên vật liệu xây dựng (cát), thủ tục đầu tư các dự án ODA,... đặc biệt là đối với các dự án trọng điểm. Lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng 02/2025 là 426,5 tỷ đồng, đạt 5,48% số vốn phân bổ (và đạt 4,33% tổng vốn được giao).

3. Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

3.1. Việc xây dựng, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, dồn đốc hướng dẫn

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 24/02/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/02/2025 để triển khai thực hiện.

Để thực hiện tốt Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 24/02/2025, Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/02/2025 và Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 24/02/2025, tỉnh An Giang đã thực hiện phân công cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị, cụ thể:

- Ngày 21/02/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 6139-QĐ/TU về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm trưởng ban chỉ đạo. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 về Thành lập các Tổ Công tác chỉ đạo việc thực hiện tăng trưởng kinh tế của tỉnh An Giang. Trong đó, phân công tổ công tác số 1 do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm tổ trưởng để theo dõi chỉ đạo lĩnh vực đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và cải cách hành chính.

- Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm dồn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tham mưu

Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Ủy ban nhân dân tỉnh; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch.

- Sở Tài chính: trên cơ sở kinh phí do Trung ương cấp, theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách của Trung ương, đồng thời xây dựng cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương để thu hút doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp số và doanh nghiệp công nghệ cao đầu tư vào tỉnh.

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh vận động, kêu gọi doanh nghiệp đầu đầu vào lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Các cấp ủy đảng, các ngành, địa phương tổ chức quán triệt đến đảng viên, cán bộ, công chức, doanh nghiệp và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Một số kết quả tổ chức thực hiện:

- Thời gian qua, kinh phí đầu tư triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin của tỉnh chủ yếu được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, tổng kinh phí đầu tư giai đoạn 2021-2025 là 386,532 tỉ đồng, chiếm 1,09% tổng chi ngân sách cấp tỉnh; ước giai đoạn 2021-2024 mức đóng góp ngoài ngân sách cho nghiên cứu khoa học, công nghệ đạt khoảng 30%. Kinh phí phục vụ phát triển công nghệ tại các tổ chức, doanh nghiệp và Trường đại học chủ yếu do các tổ chức, doanh nghiệp tự đầu tư và phục vụ phát triển công nghệ trực tiếp tại đơn vị, kinh phí ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ các nội dung như: thông tin, truyền thông; các hội thảo, hội nghị; các cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các hoạt động quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Trong những năm gần đây, đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ của tỉnh được tăng cường mạnh về số lượng và chất lượng. Hiện trên địa bàn tỉnh có 32.215

người có trình độ từ đại học trở lên (chiếm 85,41%), trong đó số cán bộ có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư, học vị Tiến sĩ và tương đương là 130 người. Đây là tiềm năng, lợi thế lớn của tỉnh về nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

- An Giang là tỉnh có hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ tương đối tốt với cơ sở vật chất kỹ thuật của các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, của trường đại học, cao đẳng... Hiện tại, tỉnh có 49 tổ chức khoa học và công nghệ; trong đó, có 40 tổ chức khoa học và công nghệ công lập và 02 tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, 04 tổ chức thuộc cơ sở giáo dục đại học và 03 văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực.

- Hạ tầng số trên địa bàn tỉnh được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu, các nền tảng số, các hệ thống ứng dụng dùng chung đưa vào vận hành hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành, kết nối với hệ thống các Sở, ngành và địa phương. Bước đầu hình thành các cơ sở dữ liệu nền và chuyên ngành, phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã thực hiện ký kết hợp tác với các tập đoàn, công ty trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin (gồm: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam năm 2020; Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội năm 2020; Công ty Cổ phần FPT năm 2022; Tổng Công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu (GTEL) năm 2025) nhằm hỗ trợ địa phương xây dựng, triển khai các giải pháp, sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cho việc xây dựng Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại tỉnh An Giang.

- Xây dựng, ban hành Chương trình phát triển công nghiệp và công nghệ chiến lược và phát triển công nghệ IoP

+ Thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1410/KH-UBND ngày 23/12/2024 triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong đó, chỉ đạo các Sở, ban, ngành; đơn vị, địa phương ưu tiên xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và ứng dụng chuyên ngành để hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất, chia sẻ dùng chung, hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; tránh tình trạng cát cứ dữ liệu trong mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương; liên thông, tích hợp với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo theo các quy định, quy chuẩn, hướng dẫn của bộ, ngành chủ quản; Xây dựng, triển khai các mô hình trí tuệ nhân tạo trong phát triển chính quyền số; kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với các thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch phát triển doanh

ng nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2022 – 2025 và định hướng đến năm 2030⁸ nhằm phát triển doanh nghiệp công nghệ số tạo động lực phát triển xã hội số; đưa ngành công nghệ số trở thành một trong những ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững góp phần thúc đẩy phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

4. Về thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án trọng điểm trên địa bàn tỉnh

4.1. Về Chương trình mục tiêu quốc gia dựng nông thôn mới

Tỉnh đã ban hành Quyết định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND, Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND, Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND). Báo cáo tổng kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2026-2030.

Tổng hợp, báo cáo kết quả thẩm định mức độ đạt tiêu chí năm 2024, cụ thể: xã nông thôn mới (04 xã⁹); xã nông thôn mới nâng cao (04 xã¹⁰) và xã nông thôn mới kiểu mẫu (04 xã¹¹). Tiếp tục hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, thủ tục đề nghị công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới, xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2024 còn lại. Thống nhất về việc công nhận ấp Phú Thành, xã Phú Hữu và ấp Phú Nhơn, xã Phú Hội đạt chuẩn “Ấp nông thôn mới” năm 2024.

4.2. Về thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao theo Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh

Vận dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp Nông nghiệp, trong vụ Đông Xuân 2024-2025, tỉnh đã chỉ đạo xây dựng 14 mô hình (quy mô từ 10 - 15 ha/mô hình) với tổng diện tích là 205 ha tại các huyện thị thành trong tỉnh. Hiện trà lúa ở các mô hình đang ở giai đoạn trổ - chín; Các đơn vị đang chuẩn bị tổ chức hội thảo đầu bờ và tổng kết để nhân rộng (Dự kiến tổ chức trong tháng 3/2025).

Xây dựng kế hoạch và dự toán nguồn kinh phí triển khai thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đến năm 2030” tại An Giang năm 2025.

Đề xuất xây dựng mỗi mô hình sản xuất lúa phát thải thấp với quy mô là 50 ha (11 mô hình tại 11 huyện, thị xã và thành phố), đồng thời, xác định dự toán,

⁸ Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 29/3/2022.

⁹ Tân Thạnh, Lê Chánh - Thị xã Tân Châu và xã Vĩnh Lợi, Tân Phú - huyện Châu Thành.

¹⁰ Xã An Thạnh Trung - huyện Chợ Mới, xã Khánh Hòa xã Bình Thủy - huyện Châu Phú và xã Khánh Bình - huyện An Phú.

¹¹ Xã Bình Phước Xuân - huyện Chợ Mới, xã Mỹ Hòa Hưng, xã Mỹ Khánh - TP. Long Xuyên và xã Thoại Giang - huyện Thoại Sơn.

nguồn kinh phí thực hiện các mô hình này.

4.3. Về Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; Phong trào thi đua “Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước từ nay đến năm 2025”

Qua rà soát toàn tỉnh vẫn còn hơn 24.000 hộ gia đình nghèo, cận nghèo và hơn 3.721 hộ gia đình phải sống trong nhà tạm, nhà dột nát cần được sửa chữa, cất mới; trên 24.395 hộ nghèo, cận nghèo cần được hỗ trợ.

Thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh An Giang đến nay có 8/11 huyện thực hiện cất, sửa nhà trước Tết Nguyên đán đối với hộ người có công là 62 căn¹²; số lượng đề nghị hỗ trợ nhà ở trên địa bàn tỉnh là 585 hộ¹³.

4.4. Về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; đề xuất nội dung, giải pháp giai đoạn 2026-2030 (gọi tắt là Chương trình) và gửi Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) tổng hợp.

UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết “Quy định về định mức, nội dung, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

Rà soát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Nhiều dự án trên địa bàn tỉnh còn đang vướng mắc pháp lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, nên chưa thể triển khai xử lý, giải quyết dứt điểm, gây tắc nghẽn nguồn lực, hạn chế tính linh hoạt của thị trường. Đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, văn bản có liên quan thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, nghị quyết của Quốc hội về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án, góp phần khơi thông các nguồn lực, đưa các tài sản vào lưu thông, tránh thất thoát, lãng phí, thúc

¹² Cất mới: 25; sửa chữa: 37.

¹³ Xây mới: 200 hộ; Sửa chữa: 385 hộ.

đẩy phát triển kinh tế-xã hội.

Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. Theo đó, kinh phí thu được từ việc thương mại hóa phần lớn phải nộp lại cho nhà nước, các thủ tục giao quyền và định giá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước còn khá phức tạp. Như vậy chưa khuyến khích được nhà khoa học chuyển giao, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

Việc thực hiện Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh An Giang quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang đang gặp khó khăn do thay đổi quy định pháp lý. Cụ thể, Thông tư số 51/2024/TT-BTC (hiệu lực từ 08/9/2024) đã bãi bỏ Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN, khiến việc hỗ trợ các dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước không còn cơ sở pháp lý. Hiện chưa có hướng dẫn mới thay thế, dẫn đến khoảng trống trong cơ chế hỗ trợ, gây khó khăn trong bố trí kinh phí và triển khai chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm và nhân rộng mô hình.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Đối với các dự án đang còn vướng mắc pháp lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, đề nghị Bộ Chính trị cho chủ trương khắc phục và triển khai thực hiện các bước tiếp theo để khơi thông nguồn lực, tránh lãng phí, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng tương tự như Kết luận số 77-KL/TW ngày 02/5/2024 của Bộ Chính trị về Đề án “Phương án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố” và Nghị quyết số 170/2024/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối với Quốc hội

2.1. Ban hành cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh các tỉnh biên giới Tây Nam

Để đảm bảo phát triển bền vững vùng ĐBSCL theo Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022, kiến nghị Quốc hội sớm ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho vùng liên quan đến vấn đề quy hoạch, tài chính ngân sách, thuế, đất đai, xây dựng, quản lý tài nguyên, đặc biệt là nguồn nước ngọt và cát san lấp; phân cấp mạnh mẽ cho địa phương chủ động thực hiện các chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ, trong đó đề nghị nghiên cứu những cơ chế chính sách

phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh các tỉnh biên giới Tây Nam để các địa phương hoàn thành nghĩa vụ trọng trách của mình, đảm bảo nguồn nước ngọt cho vùng, an ninh lương thực, giữ vững quốc phòng - an ninh biên giới.

2.2. Về việc sắp xếp bộ máy hệ thống chính trị

Đề nghị sớm có hướng dẫn, cơ sở pháp lý về thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị về việc không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã (*về sửa đổi Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương những nội dung thuộc thẩm quyền của huyện nay thuộc tỉnh, nội dung nào thuộc thẩm quyền của cấp xã*); hướng dẫn về quản lý, bố trí cán bộ khi thực hiện không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã.

Về việc sáp nhập tỉnh, kiến nghị Trung ương sớm triển khai để các địa phương chủ động tổ chức Đại hội đảng, nhất là xác định phương hướng tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhiệm kỳ 2025-2030.

3. Đối với Chính phủ

3.1. Đề phát huy cao nhất hiệu quả của Tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và các tuyến giao thông quan trọng khác, đồng thời khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của khu vực kinh tế cửa khẩu, đảm bảo vận chuyển hàng hóa và lưu thông cho các địa phương vùng ĐBSCL, kiến nghị Chính phủ xem xét cân đối nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh An Giang theo tinh thần Thông báo số 266/TB-VPCP, ngày 06/7/2023 của Văn phòng Chính phủ về thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang, cụ thể như sau:

(1) Dự án Xây dựng Cầu Tân Châu - Hồng Ngự.

(2) Tuyến nối từ điểm đầu đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đến Cửa khẩu Tịnh Biên và điểm đầu đường cao tốc đến điểm đầu Quốc lộ 91C đi cửa khẩu Khánh Bình.

(3) Tuyến đường tránh Quốc lộ 91 qua đô thị Cái Dầu - Vĩnh Thạnh Trung.

(4) Xây dựng tuyến đường liên kết vùng - cầu Tôn Đức Thắng (*kết nối thành phố Long Xuyên với huyện Chợ Mới qua cồn Mỹ Hòa Hưng*).

(5) Kiến nghị Trung ương hỗ trợ đầu tư Dự án Đường tỉnh 956 và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 950 và đoạn kết nối Quốc lộ 110 tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia.

(6) Bên cạnh đó, kiến nghị Trung ương đẩy nhanh đầu tư các tuyến cao tốc kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh, thành Vùng ĐBSCL và tỉnh An Giang.

3.2. Tỉnh An Giang luôn xác định vấn đề liên kết vùng phải được đặt lên hàng đầu để vừa phát huy tiềm năng, thế mạnh riêng của tỉnh về nông nghiệp, văn

hóa - du lịch và kinh tế biên mậu, đồng thời tạo sức mạnh tổng hợp của vùng nhằm hướng đến phát triển bền vững cho toàn vùng trên cơ sở các chỉ đạo của Trung ương. Vì vậy, kiến nghị Trung ương:

- **Về xúc tiến đầu tư:** Tiếp tục hỗ trợ các tỉnh, địa phương vùng ĐBSCL trong các hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, có tiềm lực về tài chính và công nghệ để đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, thế mạnh của từng địa phương.

- **Về xúc tiến du lịch:** kiến nghị Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, tổ chức nhiều các Diễn đàn Liên kết phát triển du lịch với 13 tỉnh, thành khu vực ĐBSCL.

- **Về phát triển nông nghiệp:** Tiếp tục hỗ trợ tỉnh An Giang và các tỉnh/thành vùng ĐBSCL triển khai có hiệu quả Đề án 01 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp trên địa bàn tỉnh để thực hiện mục tiêu kép vừa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, vừa sản xuất nông nghiệp bền vững, giúp tăng thu nhập cho nông dân khi tham gia Đề án này.

3.3. Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất: Trong giai đoạn 2026-2030, tỉnh An Giang đã đặt mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân từ 10% trở lên, để đạt được mục tiêu đó, tỉnh An Giang cần đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu chức năng của khu kinh tế cửa khẩu để phát triển kinh tế biên mậu, đẩy mạnh công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh gắn với nguồn nguyên liệu tập trung, phát triển mạnh thương mại - dịch vụ, hạ tầng logistics và hạ tầng đô thị, du lịch, nghỉ dưỡng. Do đó, đề nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 326/QĐ-TTg, ngày 09/3/2022 về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 theo hướng giảm dần đất nông nghiệp, lâm nghiệp để chuyển sang các mục đích nêu trên.

3.4. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ sớm phê duyệt Đề án đầu tư Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang để địa phương làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo nhằm phát triển kinh tế biên mậu, tăng chi đầu tư công và tăng cường thu hút đầu tư.

4. Kiến nghị Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ

Sớm ban hành hướng dẫn mới thay thế Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN, tạo cơ sở pháp lý cho việc hỗ trợ các dự án sản xuất thử nghiệm từ ngân sách nhà nước. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế tài chính rõ ràng và phù hợp để đảm bảo hiệu quả hỗ trợ cho các dự án đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ và nhân rộng mô hình.

Để tạo thuận lợi hơn cho các cơ sở sản xuất và kinh doanh, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển kinh tế địa phương, kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ đẩy nhanh tiến độ xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, đặc biệt là các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu cộng đồng đối với các sản phẩm chủ

lực, đặc thù của tỉnh (hình thức nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý,...) để các sáng chế/giải pháp hữu ích sớm được khai thác thương mại cũng như các quyền và lợi ích cho các tổ chức, cá nhân khi tham gia sử dụng các nhãn hiệu cộng đồng.

Tham mưu Chính phủ xem xét, điều chỉnh chuyên giao tài sản là kết quả nghiên cứu và đơn giản hóa thủ tục giao quyền kết quả nghiên cứu theo Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư công, xuất nhập khẩu, các chương trình mục tiêu quốc gia 02 tháng đầu năm 2025; các tồn tại, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ thúc đẩy phát triển trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang kính gửi Văn phòng Chính phủ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, KTĐT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

Phụ lục I
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	NQ số 48/NQ- HĐND ngày 07/12/2023	Ước thực hiện cả năm 2024	Ghi chú
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	7,50 - 8,50	7,16	Chưa đạt
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	70,27 - 70,88	66,24	Chưa đạt
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	47.867	47.890	Vượt
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.185	1.220	Vượt
5	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn	Tỷ đồng	7.197	8.391	Vượt
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	43	43	Đạt
7	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	53,97	54,49	Vượt
8	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	%	71,3	72	Vượt
9	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân %/năm	%	0,5 - 1,0	0,55	Đạt
10	Số bác sĩ trên 01 vạn dân	Bác sĩ	10,68	10,68	Đạt
11	Số giường bệnh trên 01 vạn dân	Giường	28	28	Đạt
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	93	93	Đạt
13	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao	Xã	05	05	Đạt
14	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	95	96,35	Vượt
15	Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	%	75	75	Đạt

Phụ lục II
Một số chỉ tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu
1	Quy mô GRDP	Tỷ đồng	143.700
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	75
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	50.563
	Vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	10.000
	Vốn ngoài nhà nước	Tỷ đồng	40.000
	Vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	563
4	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	8.471
5	Chi ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	24.100
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	8.543
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	14.467
6	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	14,48
7	Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	23,1
8	Xuất nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	1.230
	Xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	1.230
	Nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	240
9	Tốc độ tăng điện thương phẩm	%	12
10	Khách du lịch	Nghìn lượt khách	10.000
	Khách quốc tế	Nghìn lượt khách	27
	Khách nội địa	Nghìn lượt khách	9.973

Phụ lục III
Kịch bản tăng trưởng GRDP của địa phương năm 2025

TT	Ngành kinh tế	Kịch bản tăng trưởng GRDP năm 2025						
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (%)	9,03	11,28	9,94	9,50	9,78	10,59	10
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,96	7,48	4,72	4,22	4,52	5,62	4,80
2	Công nghiệp và xây dựng	14,23	14,95	14,59	15,49	14,92	16,29	15,34
<i>a)</i>	<i>Công nghiệp</i>	14,29	15,08	14,68	15,35	14,91	16,28	15,33
-	Khai khoáng	11,85	12,65	12,28	13,05	12,52	13,65	12,85
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	14,46	15,34	14,88	15,56	15,12	16,44	15,54
-	Sản xuất và phân phối điện	13,68	14,22	13,99	14,35	14,11	15,62	14,49
<i>b)</i>	<i>Xây dựng</i>	13,99	14,58	14,30	15,88	14,92	16,32	15,34
3	Dịch vụ	13,23	11,43	12,32	12,00	12,21	12,00	12,15
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3,77	4,39	4,05	6,29	4,67	1,93	4,02